

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
1	Nhà máy nước Yên Phụ										
1.1	Bơm II	11/3/2025	0325.299/1668	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.21	0.007206	0	0	0.48
1.2	Số 1 ngõ 29 Cửa Bắc	11/3/2025	0325.299/1669	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.24	0.007003	0	0	0.3
1.3	Số 5 ngõ 29 Cửa Bắc	11/3/2025	0325.299/1670	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.29	0.006914	0	0	0.35
1.4	2B Ngũ Xã	11/3/2025	0325.299/1671	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.26	0.006976	0	0	0.23
1.5	23 Ngũ Xã	11/3/2025	0325.299/1672	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.41	0.007063	0	0	0.25
1.6	82 Cửa Bắc	11/3/2025	0325.299/1673	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.24	0.006949	0	0	0.31
1.7	41 Phó Đức Chính	11/3/2025	0325.299/1674	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.31	0.007085	0	0	0.4
1.8	110 Phó Đức Chính	11/3/2025	0325.299/1675	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.23	0.00717	0	0	0.42

Trần

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
2	Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên										
2.1	Bơm II	18/03/2025	0325.341/1971	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.44	< 0.0055	0	0	0.71
2.2	30 Linh Quang	18/03/2025	0325.341/1972	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.197	7.39	< 0.0055	0	0	0.41
2.3	88 Hồ Linh Quang	18/03/2025	0325.341/1973	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.249	7.41	< 0.0055	0	0	0.37
2.4	A1 Văn Chương	18/03/2025	0325.341/1974	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.4	< 0.0055	0	0	0.4
2.5	A8 Văn Chương	18/03/2025	0325.341/1975	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.38	< 0.0055	0	0	0.35
2.6	A11 Văn Chương	18/03/2025	0325.341/1976	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.124	7.39	< 0.0055	0	0	0.42
3	Nhà máy nước Mai Dịch										
3.1	Bơm II	6/3/2025	0325.279/1555	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.42	0.008395	0	0	0.65
3.2	Số 8/304/1 Hồ Tùng Mậu	6/3/2025	0325.279/1556	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.34	0.007743	0	0	0.44
3.3	Số 10/304/1 Hồ Tùng Mậu	6/3/2025	0325.279/1557	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.35	0.007993	0	0	0.5
3.3	Số 280 Hồ Tùng Mậu	6/3/2025	0325.279/1558	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.31	0.008094	0	0	0.46
3.4	Số 302 Hoàng Công Chất	6/3/2025	0325.279/1559	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.31	0.008229	0	0	0.35
3.5	Nguồn thành phố cấp Goldmark City	6/3/2025	0325.279/1560	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.33	0.008061	0	0	0.4

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
4	Nhà máy nước Cáo Đình										
4.1	Bơm II	5/3/2025	0325.270/1483	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.06	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.74
4.2	42/435 Xuân Đình	5/3/2025	0325.270/1484	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.03	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.5
4.3	403 Xuân Đình	5/3/2025	0325.270/1485	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.4
4.4	48 Xuân Đình	5/3/2025	0325.270/1486	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.01	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.43
4.5	448 Xuân Đình	5/3/2025	0325.270/1487	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.03	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.37
4.7	505A Xuân Đình	5/3/2025	0325.270/1488	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.49	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.41
5	Nhà máy nước Lương Yên										
5.1	Bơm II	6/3/2025	0325.276/1500	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.69	0.008056	0	0	0.65
5.2	65 Lương Yên	6/3/2025	0325.276/1501	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.86	0.008029	0	0	0.42
5.3	38A Hàng Chuối	6/3/2025	0325.276/1502	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.88	0.008035	0	0	0.33
5.4	12B Thọ Lão	6/3/2025	0325.276/1503	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.91	0.008048	0	0	0.4
5.5	135 Lò Đức	6/3/2025	0325.276/1504	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.91	0.008049	0	0	0.31

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
6	Nhà máy nước Nam Dư										
7.1	Bơm II	17/03/2025	0325.330/1899	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.21	0.008011	0	0	0.44
7.2	13/27 Lĩnh Nam	17/03/2025	0325.330/1900	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.14	0.007301	0	0	0.22
7.3	87 Tam Trinh	17/03/2025	0325.330/1901	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.16	0.008831	0	0	0.25
7.4	139/43 Tam Trinh	17/03/2025	0325.330/1902	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.15	0.008607	0	0	0.3
7.5	139 Tam Trinh	17/03/2025	0325.330/1903	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.15	0.008991	0	0	0.33
7.6	175/9 Tam Trinh	17/03/2025	0325.330/1904	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.172	7.16	0.008102	0	0	0.21
8	Nhà máy nước Tương Mai										
8.1	Bơm II	5/3/2025	0325.265/1454	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.3	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.45
8.2	11 Nguyễn Đức Cảnh	5/3/2025	0325.265/1455	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.111	7.3	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.27
8.3	31/151 Nguyễn Đức Cảnh	5/3/2025	0325.265/1456	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.176	7.24	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.29
8.4	93 Nguyễn Đức Cảnh	5/3/2025	0325.265/1457	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.36	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.33

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
9	Nhà máy nước Hạ Đình										
9.1	Bơm II	18/03/2025	0325.341/1968	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.41	0.007564	0	0	0.39
9.2	42 A8 Vĩnh Hồ	18/03/2025	0325.341/1969	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.43	0.007091	0	0	0.3
9.3	37 Vĩnh Hồ	18/03/2025	0325.341/1970	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.41	0.007688	0	0	0.25
10	Nhà máy nước Gia Lâm										
10.1	Bơm II	5/3/2025	0325.269/1476	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.79	0.006324	0	0	0.43
10.2	26 Tân Thụy	5/3/2025	0325.269/1478	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.101	7.76	0.007195	0	0	0.32
10.3	36 ngõ 24 Nguyễn Lam	5/3/2025	0325.269/1479	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.121	7.71	0.007151	0	0	0.34
10.4	58 ngõ 28 Chu Huy Mân	5/3/2025	0325.269/1480	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.118	7.7	0.006406	0	0	0.28
10.5	57 Tân Thụy	5/3/2025	0325.269/1481	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.208	7.71	0.006534	0	0	0.34
10.6	51 Chuy Huy Mân	5/3/2025	0325.269/1482	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.1	7.76	0.006535	0	0	0.33

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
11	Nhà máy nước Bắc Thăng Long										
11.1	Bơm II	20/03/2025	0325.358/2080	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.79	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.58
11.2	Số 4 ngõ 6 Hậu Dưỡng	20/03/2025	0325.358/2081	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.54	7.79	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.35
11.3	Số 26 Hậu Dưỡng	20/03/2025	0325.358/2082	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.61	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.3
11.5	Số 16 ngõ 3 Hậu Dưỡng	20/03/2025	0325.358/2083	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.12	7.75	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.35
11.6	Số 16 Hậu Dưỡng	20/03/2025	0325.358/2084	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.122	7.77	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.29
11.7	Công trường cấp 1, cấp 2 Tiên Đông	20/03/2025	0325.358/2085	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.78	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.25
11.8	Chị Lan Tiên Phong	20/03/2025	0325.358/2086	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.73	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.25
11.9	Nguyễn Kiên Sơn thôn 2 xóm Bàng Đã Sầu, Tiên Đông	20/03/2025	0325.358/2087	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.186	7.89	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.21
11.10	thôn 2 xóm Bàng Tiên Đông	20/03/2025	0325.358/2088	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.64	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.23
11.11	Lưu Văn Việt xóm 7 Tráng Việt Trần Thành	20/03/2025	0325.358/2089	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.82	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.24
11.12	Lê Đức Thọ xóm 5 Tráng Việt Trần Thành	20/03/2025	0325.358/2090	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.11	7.8	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.28
11.13	Tường xóm 5 Tráng Việt	20/03/2025	0325.358/2091	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.82	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.21

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
12	Nhà máy nước Pháp Vân										
12.1	Bơm II	4/3/2025	0325.259/1378	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.09	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.43
12.2	Nguồn thành phố cấp chung cư Phương Đông	4/3/2025	0325.259/1379	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.2	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.28
12.3	Số 14/136/8 Thịnh Liệt	4/3/2025	0325.259/1380	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.25	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.3
12.4	Số 57 ngõ 12 Thịnh Liệt	4/3/2025	0325.259/1381	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.27	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.21
12.5	Trạm Đồng Tàu	4/3/2025	0325.259/1382	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.44	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.23
13	Nhà máy nước Ngọc Hà										
13.1	Bơm II	11/3/2025	0325.300/1676	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.318	8.05	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.44
13.2	38 Linh Lang	11/3/2025	0325.300/1677	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.242	7.85	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.31
13.3	46 Linh Lang	11/3/2025	0325.300/1678	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.354	7.89	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.3
13.4	61 Kim Mã Thượng	11/3/2025	0325.300/1679	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.187	7.93	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.24
13.5	4A/7 Kim Mã Thượng	11/3/2025	0325.300/1680	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.191	7.97	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.24

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC TRẠM CẤP NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 03/2025)**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
1	Trạm cấp nước Thụy Khuê										
1.1	Bơm II	4/3/2025	0325.260/1429	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.73	0.006818	0	0	0.42
1.2	170 Ngọc Hà	4/3/2025	0325.260/1430	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.8	0.006818	0	0	0.31
1.3	104 ngõ 180 Ngọc Hà	4/3/2025	0325.260/1431	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.84	0.006902	0	0	0.29
2	Trạm cấp nước Vân Đồn										
2.1	Bơm II	6/3/2025	0325.276/1505	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.6	0.007895	0	0	0.37
2.2	971 Bạch Đằng	6/3/2025	0325.276/1506	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.62	0.007724	0	0	0.2
2.3	752/7 Bạch Đằng	6/3/2025	0325.276/1507	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.63	0.007829	0	0	0.22
3	Trạm cấp nước Đông Mỹ										
3.1	Bơm II	17/03/2025	0325.330/1906	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.17	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.43
3.2	44 thôn 2 Trường Thọ	17/03/2025	0325.330/1907	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.16	7.18	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.27
3.3	51 thôn 3 Trường Thọ	17/03/2025	0325.330/1908	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.26	7.26	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.31
4	Trạm cấp nước Bạch Mai										
4.1	Bơm II	11/3/2025	0325.335/1933	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.59	7.48	< 0.0055	0	0	0.4
4.2	Số 2/38/15 Phương Mai	11/3/2025	0325.335/1934	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.69	7.1	< 0.0055	0	0	0.29
4.3	Số 4/38/15 Phương Mai	11/3/2025	0325.335/1935	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.72	7.08	< 0.0055	0	0	0.3

gsw